| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG**<br>Bản án số: 575/2024/DS-PT<br>Ngày 28 - 11 - 2024<br>V/v tranh chấp "Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc và theo quy định pháp luật; Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất" | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Việt Trung**

*Các Thẩm phán*: Bà **Lâm Ngọc Tuyền**

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Lê Minh Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc và theo quy định pháp luật; Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 176/2024/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 404/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện hợp pháp*: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1978 (là đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/10/2024); (có mặt).

Nới đăng ký thường trú: 1170 Ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số A T, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T1,** sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **Nguyễn Ngọc G,** sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện hợp pháp*: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1978 (là đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/10/2024), (có mặt).

Nới đăng ký thường trú: 1170 Ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ:  Số A T, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Anh **Nguyễn Ngọc H,** sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Ông **Nguyễn Thanh H1,** sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

3.4. Chị **Nguyễn Thị Ngọc Q** (Nguyễn Ngọc Q), sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Chị **Nguyễn Thị Ngọc H2** (Nguyễn Ngọc H2)**,** sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số A QL E, ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Chị **Nguyễn Thị Ngọc C** (Nguyễn Ngọc C), sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.7. **Văn phòng C4,** (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện theo pháp luật*: Ông **Nguyễn Văn C1 –** Trưởng Văn phòng (.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Hữu Đ; Bị đơn Nguyễn Thành T1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc G.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm,

* Nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn P trình bày: Vợ cụ là cụ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1933, chết năm 2019. Trong quá trình chung sống hai cụ có tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 1137, diện tích 8.674m$^2$ tọa lạc tại Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ P đại diện hộ gia đình đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, cụ T2 chết không để lại di chúc. Vào ngày 04/9/2019 âl, cụ P có ý định chia cho chị Nguyễn Ngọc G 01 phần trong thửa đất trên nhưng ông Nguyễn Thành T1 không đồng ý. Vì vậy cụ P khởi kiện yêu cầu xác định thửa đất số 1137 là tài sản chung của vợ chồng cụ P; yêu cầu được hưởng ½ thửa đất có diện tích 4.337m$^2$. Phần diện tích 4.337m$^2$ còn lại là di sản của cụ T2, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật ra làm 09 kỷ phần. Trong

đó chia cho cụ P 01 kỷ phần và 08 kỷ phần còn lại chia cho 08 người con của hai cụ.

Ngày 17/7/2022, cụ P chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ P không tiếp tục kế thừa yêu cầu khởi kiện của cụ P mà có yêu cầu khởi kiện độc lập. Vì vậy tư cách tham gia tố tụng trong vụ án có thay đổi. Cụ thể ông Nguyễn Hữu Đ là nguyên đơn, ông Nguyễn Thành T1 là bị đơn. Những người còn lại tư cách tham gia tố tụng trong vụ án không thay đổi.

* Nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Cha ông là cụ Nguyễn Văn P, sinh năm 1929, chết năm 2022. Mẹ ông là cụ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1933, chết năm 2019. Trong quá trình chung sống, hai cụ sinh được 08 người con gồm: Nguyễn Thành T1, sinh năm 1962; ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1964; Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1968; Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1970; Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1972; Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1975; Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1978; Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1984; Cha mẹ cụ P, cụ T2 chết trước hai cụ. Khi còn sống, hai cụ không có cha mẹ nuôi và con nuôi.

Lúc sinh thời cụ P, cụ T2 có tạo lập được khối tài sản gồm các thửa đất số 1130, diện tích 4.442m$^2$; thửa đất số 1135, diện tích 4.448m$^2$ và thửa 1137, diện tích 8.674m$^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 514. Thửa đất 1130, 1135 đã phân chia cho Đ, G, H, H1. Còn lại thửa đất 1137 diện tích 8.674m$^2$ cụ P đại diện hộ gia đình đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa chia cho ai. Thửa đất trên là tài sản chung của cụ P và cụ T2. Hiện nay phần đất có diện tích 4.337m$^2$ nằm trong thửa đất 1137 là di sản của cụ T2 chết không để lại di chúc nên ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất trên làm 09 kỷ phần. Ông yêu cầu nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 481,9 m$^2$.

Tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 31/8/2023 ông Đ trình bày: Ngày 13/01/2020, cụ P có lập bản di chúc có công chứng chứng thực tại Văn phòng C4. Nội dung di chúc thể hiện cụ P để lại di sản là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của cụ cho ông Đ, ông H, chị G. Do hiện nay cụ P đã chết nên ông Đ yêu cầu:

- Công nhận hiệu lực của bản di chúc lập ngày 13/01/2020.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 4.337m$^2$ nằm trong thửa 1137 ra làm 08 kỷ phần. Ông Đ yêu cầu nhận 01 kỳ phần có diện tích 271m$^2$.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu Đ thay đổi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Cụ thể:

- Yêu cầu công nhận hiệu lực của bản di chúc do cụ P lập ngày 13/01/2020

tại Văn phòng C4.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 4.337m$^2$ ra làm 08 kỷ phần. Yêu cầu được nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất.

Ông Đ xin rút lại các yêu cầu khởi kiện khác.

* Bị đơn là ông Nguyễn Thành T1 trình bày:

Về quan hệ gia đình nhân thân cũng như về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp đúng như ông Đ trình bày. Theo ông T1, tài sản cụ P, cụ T2 tạo lập lúc còn sống ngoài thửa đất 1137 còn có thửa đất 1135 và thửa đất 1130. Ông là con trưởng trong gia đình, có công nhiều nhất trong việc cải tạo, lên vườn, trồng cây làm tăng giá trị của các thửa đất cụ P, cụ T2 tạo lập. Năm 2008, cụ P cụ T2 đã phân chia đất cho 08 người con. Trong đó ông Đ, chị G, anh H, anh H1 được chia cho thửa đất số 1130, diện tích 4.442m$^2$ và thửa đất số 1135, diện tích 4.448m$^2$. Ông T1, chị Q, chị H2, chị C được cho thửa 1137, diện tích 8.674m$^2$. Sau khi được cho đất, 08 người con đã nhận đất và canh tác liên tục cho đến nay. Hiện nay, ông Đ, chị G, anh H, anh H1 đã hoàn tất thủ tục tách thửa và được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được cho. Riêng ông T1, chị Q, chị H2, chị C đã thực hiện thủ tục đăng ký kê khai nhưng chưa được tách thửa và chưa được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên vẫn đang canh tác thửa đất 1137.

Do tài sản đã được phân chia trong thời gian hai cụ còn sống và minh mẫn. Thể hiện ý, nguyện vọng của hai cụ. Vì vậy ông T1 có đơn phản tố yêu cầu:

- Bác bỏ yêu cầu đòi đất và đòi hưởng thừa kế của ông Đ, chị G, anh H, anh H1 ở thửa đất 1137.

- Yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích đất như cụ P, cụ T2 đã chia nằm trong thửa đất 1137 và được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất hiện ông đang canh tác khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn phản tố bổ sung ngày 04/8/2022, ông T1 trình bày: Vào ngày 28/7/2008, cụ P có lập 01 bản di chúc giao quyền cho ông được quản lý thửa đất 1137 để ông chia thửa đất trên cho ông, chị H2, chị Q, chị C. Đến năm 2012, cụ P đã lập 02 tờ di chúc viết tay. Nội dung di chúc là giao thửa đất 1130 và 1135 cho Đ 2.500m$^2$, H1 2.500m$^2$, Hơn 2.930m$^2$, Giàu 1.000m$^2$. Thửa 1137 chia cho Quí 1.000m$^2$, H2 2.000m$^2$, C 1.000m$^2$, T1 4.647m$^2$ (trong đó bán cho ông T1 2.000m$^2$ và cho ông T1 2.647m$^2$). Nay cụ P qua đời, ông Đ, chị G, anh H yêu cầu chia thừa kế theo di chúc thửa đất 1137 là bất công và không hợp lý. Vì vậy ông có yêu cầu phản tố bổ sung như sau:

- Bác bỏ yêu cầu đòi hưởng thừa kế của ông Đ, chị G, anh H đối với thửa

đất số 1137.

- Yêu cầu cho ông và Nguyễn Thị Ngọc H2, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Thị Ngọc C được hưởng thừa kế đúng theo di chúc ngày 01/01/2012 và được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất hiện ông đang canh tác khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông không đồng ý với nội dung thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 31/8/2023 của ông Đ. Theo ông T1 bản di chúc lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4 mà ông Đ yêu cầu công nhận là không hợp pháp. Vì vậy ông T1 có đơn phản tố bổ sung yêu cầu bác bỏ bản di chúc trên. Yêu cầu công nhận 02 bản di chúc viết tay lập ngày 28/7/2008 và ngày 01/01/2012. Yêu cầu hủy bản di chúc lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành T1 có thay đổi so với yêu cầu ban đầu. Cụ thể:

- Yêu cầu hủy bỏ bản di chúc lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4 của cụ P để lại.

- Ông T1 yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng thực tế và yêu cầu công nhận cho ông T1 được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất được cho nằm trong thửa đất 1137 có diện tích 4.647m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế là 4.319,8m$^2$).

- Ông T1 xin rút lại các yêu cầu phản tố khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Nguyễn Ngọc G trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của Ông Đ, ông T1 về quan hệ gia đình nhân thân cũng như về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp. Chị G xác định thửa đất số 1137 là tài sản chung của cụ P và cụ T2. Hiện nay phần đất có diện tích 4.337m$^2$ nằm trong thửa đất 1137 là di sản của cụ T2 chết không để lại di chúc nên chị yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất trên làm 09 kỷ phần. Chị yêu cầu nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 481,9 m$^2$.

Tại đơn yêu cầu độc lập bổ sung ngày 31/8/2023, chị G trình bày: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB180870 cấp ngày 29/9/2010 thì thửa đất số 1137 là đất cấp cho hộ gia đình ông P. Thành viên hộ gia đình gồm Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Ngọc G. Chị Giàu C2 yêu cầu bổ sung như sau:

- Yêu cầu công nhận hiệu lực của bản di chúc lập ngày 13/01/2020 và yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật.

- Yêu cầu được chia tài sản chung trong hộ gia đình cụ Nguyễn Văn P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB180870 cấp ngày 29/9/2010. Diện

tích yêu cầu được chia là 2.168m$^2$.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 2.168m$^2$ nằm trong thửa 1137 ra làm 08 kỷ phần. Chị G yêu cầu được nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 271m$^2$.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Ngọc Giàu C2 thay đổi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Cụ thể:

- Yêu cầu công nhận hiệu lực của bản di chúc do cụ P lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 4.337m$^2$ ra làm 08 kỷ phần. Yêu cầu được nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất.

- Chị G xin rút lại các yêu cầu khởi kiện khác.

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Ngọc H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của các đồng thừa kế về quan hệ gia đình nhân thân cũng như về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp. Anh H xác định thửa đất số 1137 là tài sản chung của cụ P và cụ T2. Hiện nay phần đất có diện tích 4.337m$^2$ nằm trong thửa đất 1137 là di sản của cụ T2 chết không để lại di chúc nên anh yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất trên làm 09 kỷ phần. Anh yêu cầu nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 481,9 m$^2$.

Tại đơn yêu cầu độc lập bổ sung ngày 31/8/2023, anh H trình bày:

- Yêu cầu công nhận hiệu lực của bản di chúc lập ngày 13/01/2020.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 2.168m$^2$ nằm trong thửa 1137 ra làm 08 kỷ phần. Anh H yêu cầu được nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 271m$^2$.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Ngọc H có thay đổi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Cụ thể:

- Yêu cầu công nhận hiệu lực của bản di chúc do cụ P lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 4.337m$^2$ ra làm 08 kỷ phần. Yêu cầu được nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất.

- Anh H xin rút lại các yêu cầu khởi kiện khác.

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của các đồng thừa kế về quan hệ gia đình nhân thân cũng như về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp. Chị

Q xác định thửa đất số 1137 đã được cụ P cụ T2 cho ông T1, chị Q, chị H2, chị C vào năm 2008. Hiện tại chị đã nhận đất và canh tác từ năm 2008 đến nay. Vì vậy chị không đồng ý với yêu cầu chia đất của ông Đ, anh H, chị G. Yêu cầu được hưởng thừa kế phần diện tích 1.000m$^2$ đất được cho theo bản di chúc lập ngày 01/01/20012.

Tại đơn yêu cầu độc lập bổ sung ngày 04/12/2023, chị Q yêu cầu công nhận 02 bản di chúc viết tay lập ngày 28/7/2008 và ngày 01/01/2012. Yêu cầu hủy bản di chúc lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4.

Tại phiên tòa sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ngọc Q có thay đổi so với yêu cầu ban đầu. Cụ thể:

- Yêu cầu hủy bỏ bản di chúc lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4 của cụ P để lại.

- Chị Q yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng thực tế và yêu cầu công nhận cho chị Q được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất được cho nằm trong thửa đất 1137 có diện tích 1.000m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế là 1.132,7m$^2$).

- Chị Q xin rút lại các yêu cầu độc lập khác.

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Thị Ngọc H2 trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của các đồng thừa kế về quan hệ gia đình nhân thân cũng như về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp. Chị H2 xác định thửa đất số 1137 đã được cụ P cụ T2 cho T1, Q, H2, C vào năm 2008. Hiện tại chị đã nhận đất, cải tạo thêm và canh tác từ năm 2008 đến nay. Vì vậy chị không đồng ý với yêu cầu chia đất của ông Đ, anh H, chị G. Yêu cầu giữ nguyên hiện trạng 2.000 m$^2$ đất vườn để chị tiếp tục canh tác và được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng pháp luật.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 02/8/2022, chị H2 trình bày: Chị yêu cầu được hưởng thừa kế phần diện tích 2.000m$^2$ đất được cho theo bản di chúc lập ngày 01/01/20012.

Tại đơn yêu cầu độc lập bổ sung ngày 04/12/2023, chị H2 trình bày: Yêu cầu công nhận 02 bản di chúc viết tay lập ngày 28/7/2008 và ngày 01/01/2012. Yêu cầu hủy bản di chúc lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H2 có thay đổi so với yêu cầu ban đầu. Cụ thể:

- Yêu cầu hủy bỏ bản di chúc lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4 của cụ P để lại.

- Chị H2 yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng thực tế và yêu cầu công

nhận cho chị H2 được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất được cho nằm trong thửa đất 1137 có diện tích 2.000m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế là 2.252,1m$^2$).

- Chị H2 xin rút lại các yêu cầu độc lập khác.

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày các đồng thừa kế về quan hệ gia đình nhân thân cũng như về nguồn gốc đất và diện tích thửa đất đang tranh chấp. Chị C xác định thửa đất số 1137 đã được cụ P cụ T2 cho T1, Q, H2, C vào năm 2008. Hiện tại chị đã nhận đất và canh tác từ năm 2008 đến nay. Vì vậy chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Đ, yêu cầu độc lập của H, G. Yêu cầu công nhận cho chị được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất được cho nằm trong thửa đất 1137.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 02/8/2022, chị C trình bày: Chị yêu cầu được hưởng thừa kế phần diện tích 1.000m$^2$ đất được cho theo bản di chúc lập ngày 01/01/20012.

Tại đơn yêu cầu độc lập bổ sung ngày 04/12/2023, chị C trình bày: yêu cầu công nhận 02 bản di chúc viết tay lập ngày 28/7/2008 và ngày 01/01/2012. Yêu cầu hủy bản di chúc lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc C có thay đổi so với yêu cầu ban đầu. Cụ thể:

- Yêu cầu hủy bỏ bản di chúc lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4 của cụ P để lại.

- Chị C yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng thực tế và yêu cầu công nhận cho chị C được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất được cho nằm trong thửa đất 1137 có diện tích 1.000m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế là 1.063,8m$^2$).

- Chị C xin rút lại các yêu cầu độc lập khác.

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc H3 trình bày:

Anh H3 là con của cụ P, cụ T2. Hiện tại anh đã được cha mẹ cho đất nên không có yêu cầu chia thêm và cũng không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp di sản thừa kế của các đồng thừa kế.

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Văn phòng C4 trình bày:

Việc công chứng chứng thực của Văn phòng C4 đối với bản di chúc lập ngày 13/01/2020 là đúng quy định pháp luật. Đối với việc tranh chấp thừa kế của các bên, Văn phòng không có ý kiến.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2024/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 5; khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều

147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 và khoản Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 97, 98, 99, 100 và khoản 1, Điều 170 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn P.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ T2 là 4.337m$^2$ ra làm 8 kỷ phần. Ông Đ yêu cầu được nhận 01 kỷ phần, yêu cầu nhận đất có diện tích 481,9m$^2$.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông T1 về việc yêu cầu công nhận 02 tờ di chúc cụ P tự tay viết vào ngày 28/7/2008 và ngày 01/01/2012.

4. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu độc lập sau của chị G:

4.1. Yêu cầu chia thừa kế thửa đất trên làm 08 kỷ phần. Chị G yêu cầu nhận 01 kỷ phần, diện tích 481,9 m$^2$.

4.2 Yêu cầu được chia tài sản chung trong hộ gia đình cụ Nguyễn Văn P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB180870 cấp ngày 29/9/2010.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của anh H về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất trên làm 08 kỷ phần. Anh H yêu cầu nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 481,9 m$^2$.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của chị H2 về việc yêu cầu công nhận 02 tờ di chúc cụ P tự tay viết chia đất cho các con và ngày 28/7/2008 và 01/01/2012.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của chị Q về việc yêu cầu công nhận 02 tờ di chúc cụ P tự tay viết chia đất cho các con và ngày 28/7/2008 và 01/01/2012.

8. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của chị C về việc yêu cầu công nhận 02 tờ di chúc cụ P tự tay viết chia đất cho các con và ngày 28/7/2008 và 01/01/2012.

9. Tuyên bố hủy bản di chúc lập 13/01/2020.

10. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện sau của ông Nguyễn Hữu Đ, yêu cầu độc lập của Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc G về việc:

- Yêu cầu công nhận hiệu lực của bản di chúc do cụ P lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 4.337m$^2$ ra làm 08 kỷ phần. Yêu cầu được nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất.

11. Chấp nhận yêu cầu phản tố sau của ông Nguyễn Thành T1: Công nhận phần diện tích 4.647m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế là 4.319,8m$^2$) nằm trong thửa đất 1137 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thành T1. Giao cho ông T1 tiếp

tục quản lý sử dụng phần đất, cây trồng, vật kiến trúc trên đất. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng thửa đất và các cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

Phần đất giao cho ông T1 có vị trí T1, T2, T3, T4, T5, T6; tứ cận theo bản vẽ ngày 01/3/2023 của Công ty TNHH một thành viên Đ3 như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất của Nguyễn Thị D, Nguyễn Hữu Đ, Lê Duy C3, Nguyễn Văn Đ1, Võ Phương K, Lê Văn L, Đặng Thị T3, Trần Tuấn S. Gồm 8 đoạn (19,30m + 17,21m + 3,49m + 3,62m + 27,97m + 18,65m + 11,82m + 10,34m + 25,60m + 8,85m + 7,07m + 2,13m + 10,80m + 4,19m + 19,43m).

+ Hướng Nam giáp đất ông Trần Hữu L1. Gồm 03 đoạn (30,62m + 9,14m + 145,39m).

+ Hướng Đông giáp phần đất chị Nguyễn Thị Ngọc H2 dài 21,21m.

+ Hướng Tây giáp đường bê tông dài 23,67m.

Buộc ông Nguyễn Thành T1 bồi thường cho chị G 91.893.000đ (Chín mươi mốt triệu tám trăm chín mươi ba ngàn đồng). Thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Giàu có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị Nguyễn Ngọc G không được trồng cây mới, chặt phá, làm hư hỏng cây trồng đối với cây trồng chị G đã trồng trên đất ông T1. Nếu làm thiệt hại số lượng cây trồng đã giao theo bản án thì người được chia đất chỉ bồi thường phần cây trồng được nhận còn lại theo bản án đã tuyên.

12. Chấp nhận yêu cầu độc lập sau của chị Nguyễn Thị Ngọc H2: Công nhận phần diện tích 2.000m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế là 2.252,1m$^2$) nằm trong thửa đất 1137 thuộc quyền sử dụng của chị Nguyễn Thị Ngọc H2. Giao cho chị H2 tiếp tục quản lý sử dụng phần đất, cây trồng, vật kiến trúc trên đất. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng thửa đất và các cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

Phần đất giao cho chị H2 có vị trí T7. Tứ cận thửa đất theo bản vẽ ngày 01/3/2023 của Công ty TNHH một thành viên Đ3 như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất của Nguyễn Thị D, Bùi Văn L2, Lê Văn G1. Gồm 3 đoạn (0,91m + 70,13m + 33,81m).

+ Hướng Nam giáp đất Trần Hữu L1, Trần Văn N. Gồm 02 đoạn (69,671m + 35,88m).

+ Hướng Đông giáp phần đất Nguyễn Thị Ngọc C dài 21,32m.

+ Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Thành T1 dài 21,21m.

13. Chấp nhận yêu cầu độc lập sau của chị Nguyễn Thị Ngọc C: Công nhận phần diện tích tích 1.000m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế là 1.063,8m$^2$) nằm trong thửa đất 1137 thuộc quyền sử dụng của chị C. Giao cho chị C tiếp tục quản lý sử dụng phần đất, cây trồng, vật kiến trúc trên đất. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng thửa đất và các cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

Phần đất giao cho chị C có vị trí T8. Tứ cận thửa đất theo bản vẽ ngày 01/3/2023 của Công ty TNHH một thành viên Đ3 như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất của Bùi Văn D1, Nguyễn Thị T4, Bùi Văn L2. Gồm 3 đoạn (13,32m + 35,09m + 1,34m).

+ Hướng Nam giáp đất Huỳnh Văn N1. Gồm 02 đoạn (23,07m + 48,82m).

+ Hướng Đông giáp phần đất Nguyễn Thị Ngọc Q1 dài 22,09m.

+ Hướng Tây giáp đất Nguyễn Thị Ngọc H2 dài 21,32m.

14. Chấp nhận yêu cầu độc lập sau của chị Nguyễn Thị Ngọc Q: Công nhận phần diện tích 1.000m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế là 1.132,7m$^2$) nằm trong thửa đất 1137 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q. Giao cho Q tiếp tục quản lý sử dụng phần đất, cây trồng, vật kiến trúc trên đất. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng thửa đất và các cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

Phần đất giao cho chị Q có vị trí T9. Tứ cận theo bản vẽ ngày 01/3/2023 của Công ty TNHH một thành viên Đ3 như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần đất của Bùi Văn Q2, Bùi Văn D1. Gồm 02 đoạn (33,67m + 19,24m).

+ Hướng Nam giáp đất Trần Hữu L1, Huỳnh Văn N1. Gồm 02 đoạn (30,68m + 23,07m).

+ Hướng Đông giáp phần đất Bùi Văn Bé H4 dài 21,06m.

+ Hướng Tây giáp Nguyễn Thị Ngọc C dài 22,09m.

Ông T1, chị H2, chị Q, chị C được quyền liên hệ với Cơ quan chức năng đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật. Trường hợp đất có biến động thì Cơ quan cấp giấy có quyền chỉnh lý theo biến động đối với phần đất đã được giao để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được giao đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 10 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn Nguyễn Hữu Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Ngày 10 tháng 6 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc Giàu có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của chị G, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Ngày 20 tháng 6 năm 2024, bị đơn Nguyễn Thành T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đối với quyết định buộc ông hoàn trả cho chị G số tiền 91.832.000 đồng giá trị cây trồng trên đất.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Hữu Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc G thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy

bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, giải quyết nội dung vụ án không đúng quy định pháp luật.

- Bị đơn Nguyễn Thành T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phân tích cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trong thủ tục tố tung, nội dung dung vụ án chưa xác minh, thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án sơ thẩm án  chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật,.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Thành T1 nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thanh H1, Văn phòng C4 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của ông Đ, bà G, ông T1. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tố tụng:

- Ngày 05/02/2020, cụ Nguyễn Văn P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C. Ngày 18/02/2020, Tòa án nhân dân huyện C ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 55/2020/TB-TLVA đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn P. Nội dung: cụ P yêu cầu xác định thửa đất số 1137, diện tích 8.674m2 tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 514-QSDD ngày 19/01/1998 (cấp đổi giấy số CH00245 ngày 29/9/2010) do cụ P đại diện hộ gia đình đứng tên là tài sản chung của cụ P và cụ T2; cụ P yêu cầu chia ½ thửa đất, còn lại ½ thửa đất là di sản cụ Nguyễn Thị T2 yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật (BL 37).

- Ngày 03/3/2020, Tòa án nhân dân huyện C ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu độc lập số 55A/2020/TB-TA của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Ngọc H. Nội dung: yêu cầu Chia di sản thừa kế của cụ T2 chết để lại là 4.337m2 trong diện tích 8.674m2 của thửa 1137, tờ bản đồ 1 tại Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho cha là cụ P và 08

người con. Ông Đ, Ông H, bà G mỗi người xin nhận 01 phần đất có diện tích 481,9m$^2$ (BL 98-99).

- Ngày 22/11/2021, Tòa án nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 55A/2023/TB-TA về việc thụ lý yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thành T1 và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Ngọc H2. Nội dung: ông T1 yêu cầu Bác bỏ các yêu cầu đòi đất và đòi hưởng thừa kế của ông Đ, bà G, ông H, ông H1 và công nhận phần đất mà cụ P đã cho ông T1 trước đây; bà H2 yêu cầu giữ nguyên hiện trạng 2.000m2 đất vườn hiện bà H2 đang canh tác (BL 176).

- Ngày 03/8/2023, Tòa án nhân dân huyện C ra Thông báo số 01/2023/TB-TA về việc thay đổi địa vị tố tụng trong vụ án, cụ thể: "ông Nguyễn Văn Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án giữa nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn P với bị đơn là ông Nguyễn Thành T1 trở thành Nguyên đơn với lý do: Ngày 17/7/2022 ông P chết. Các con của ông P tiếp tục tranh chấp khối di sản trên; ông Đ1 rút tư cách đại diện theo ủy quyền của chị G, anh H; ông S1 rút tư cách đại diện ủy quyền cho ông P" (BL 408 – 409).

Ngày 31/8/2023, ông Đ1, ông H, bà Giàu có đơn yêu cầu: Công nhận hiệu lực di chúc của cụ Nguyễn Văn P lập ngày 13/01/2020 tại Văn phòng C4; Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T2 (BL 452, 454, 456). Ngày 08/11/2023, Tòa án nhân dân huyện C ra Thông báo thụ lý vụ án số 55A/2023/TB-TLVA yêu cầu độc lập tại đơn ghi ngày 31/8/2023 của ông Đ1, bà G, ông H.

Ngày 04/12/2023, ông T1, bà Q, bà H2 có đơn yêu cầu hủy bỏ di chúc cụ P lập ngày 13/01/2020; công nhận di chúc của cụ P lập ngày 01/01/2012 (BL463, 465, 467). Ngày 04/12/2023, Tòa án nhân dân huyện C ra Thông báo thụ lý vụ án số 55B/2023/TB-TLVA yêu cầu phản tố của ông T1, yêu cầu độc lập của bà Q, bà H2 tại đơn ghi ngày 04/12/2023 của ông T1, bà Q, bà H2.

Xét thấy: Theo Thông báo thụ lý vụ án số 55/2020/TB-TLVA ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, cụ Nguyễn Văn P tham gia tố tụng với tư cách là Nguyên đơn với bị đơn là ông Nguyễn Thành T1; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đ1, bà H2, ông G, bà H, ông H1, ông Q, bà C. Trong quá trình vụ án đang giải quyết, thì ngày 17/7/2022 cụ P chết (BL 398, 399). Lẽ ra, Tòa án sơ thẩm phải giữ nguyên tư cách tố tụng nguyên đơn của cụ P và ra Thông báo đưa những người hàng thừa kế thứ nhất của cụ P gồm ông T1, ông Đ1, bà H2, ông G, bà H, ông H1, ông Q, bà C tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ P theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại ra Thông báo thay đổi tư cách tố tụng của ông Đ1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trở thành nguyên đơn với lý do "Ngày 17/7/2022, ông P chết. Các con của ông P tiếp tục tranh chấp khối di sản trên; ông Đ1 rút tư cách đại diện theo ủy quyền của chị G, anh H; ông S1 rút tư cách đại diện ủy quyền cho ông P" là không có căn cứ pháp luật.

Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ P có ý kiến không tiếp tục kế thừa quyền và

nghĩa vụ tố tụng của cụ P và rút đơn khởi kiện của cụ P, nhưng Tòa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của cụ P là không đúng quy định tại Điều 217, Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về nội dung:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ P, cụ T2 thống nhất trình bày: Tài sản cụ P, cụ T2 để lại trước khi chết gồm có các thửa đất số 1130, diện tích 4.442m2; thửa 1135, diện tích 4.448m2 và thửa 1137, diện tích 8.674m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 514 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P ngày 19/01/1998.

Năm 2010, cụ P đăng ký biến động thửa 1130, 1135 thành thửa 1672, diện tích 6.190m2; thửa 1137, diện tích 8.674m2 không thay đổi. Năm 2014, hộ cụ P cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án V, cụ thể: một phần thửa 1672 cấp đổi thành thửa 212; Đến năm 2018, phần còn lại của thửa 1672 cấp đổ thành thửa 202. Cũng trong năm 2018, cụ P lập thủ tục chuyển quyền thửa các đất trên cho các hộ sau: tặng cho ông Lê Hữu Đ2 toàn bộ thửa 202; tặng cho anh Nguyễn Ngọc H một phần thửa 212, sau đó cấp đổi thành thửa 334; tặng cho chị Nguyễn Ngọc G một phần thửa 212, sau đó cấp đổi thành thửa 335; tặng cho ông Nguyễn Thanh H1 một phần thửa 212, sau đó cấp đổi thành thửa 336. Riêng thửa đất số 1137 không có đăng ký biến động.

Các đương sự thống nhất xác định thửa đất 1137 là của cụ T2 và cụ P tạo lập, các con của cụ phiên không có công sức đóng góp. Quí, C, H2, T1 cho rằng năm 2010, cụ T2 và cụ phiên đã tặng cho các ông bà thửa đất 1137, các ông bà đã quản lý sử dụng đất từ đó cho đến nay. Ngày 01/01/2012, cụ P tiếp tục lập bản di chúc chia cho Q, C, H2, T1 thửa đất 1137, trong đó căn nhà giao cho ông T1 làm nhà thờ cúng, nên Q, C, H2, T1 yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất được cụ P, cụ T2, tặng cho.

Xét thấy, Q, C, H2, T1 cho rằng thửa đất đã được cụ T2, cụ phiên tặng cho nhưng các ông bà không cung cấp được chứng cứ để xác định có việc tặng cho đất và không được các đồng thừa kế khác thừa nhận, hiện đất vẫn do cụ P đứng tên. Tuy nhiên, theo Công văn số 1670 ngày 10/5/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp thông tin thì thửa đất 1137, tờ bản đồ số 1 theo bản đồ tỷ lệ 1/2000 là các thửa đất sau: thửa 214, tờ bản đồ số 11, bà Nguyễn Thị Ngọc Q kê khai đứng tên chưa được cấp giấy; thửa 216, tờ bản đồ số 11, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 kê khai đứng tên chưa được cấp giấy; thửa 213, tờ bản đồ số 11, bà Nguyễn Thị Ngọc C kê khai đứng tên chưa được cấp giấy; thửa 224, tờ bản đồ số 11, không có thông tin người kê khai và chưa được cấp giấy. Nhưng Tòa án sơ thẩm không thu thập hồ sơ kê khai các thửa đất nêu trên để xác định C, Q, H2 kê khai trên cơ sở nào, có được cụ T2, cụ P tặng cho đất hay không. Tòa án án thẩm nhận định thửa đất 1137 khi còn sống cụ P, cụ T2 đã tặng cho Q, C, H2, T1 và áp dụng Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 100 của Luật đất đai công nhận quyền sử dụng đất cho Q, C, H2, T1 theo hiện trạng các đương sự sử dụng đất là chưa có căn cứ vững chắc.

[2.3] Từ những vi phạm, thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm; cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để đảm bảo quy định hai cấp xét xử, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự cần phải hủy án, chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật, do hủy án nên chưa xét đến kháng cáo của đương sự.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên nguyên đơn Nguyễn Hữu Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc G, bị đơn Nguyễn Thành T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2024/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

H5 lại ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Ngọc G, mỗi người số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00015483 và 00015482 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; ông Nguyễn Thành T1 được miễn, không có nộp tại ứng án phí phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 28/11/2024, có mặt ông Đ, ông T1, bà T.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Trung**